XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG VÀ ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CĐSP TRUNG ƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Nguyễn Xuân Trình
Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh
Email: mr.nguyenxuantrinh@gmail.com

Tóm tắt: *Đánh giá hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức cho sinh viên nếu chỉ dựa vào số lượng chương trình, tỷ lệ tham gia hoặc mức độ hài lòng sẽ khó phản ánh đầy đủ mức độ đạt mục tiêu giáo dục. Bài viết trình bày việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động này tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh chuyển đổi số. Nghiên cứu kết hợp phân tích tài liệu với khảo sát 280 sinh viên ngành Giáo dục mầm non và tham vấn 20 giảng viên, cán bộ có liên quan đến công tác giáo dục, quản lý và hỗ trợ sinh viên. Dữ liệu thực tiễn được sử dụng để đối chiếu với cơ sở lý luận và các yêu cầu hiện hành khi xác định các phương diện đánh giá. Kết quả nghiên cứu đề xuất bộ tiêu chí gồm 6 tiêu chuẩn, 26 tiêu chí và 105 chỉ báo, bao quát từ mục tiêu, nội dung, phương thức tổ chức, sự tham gia của sinh viên, môi trường số và điều kiện bảo đảm đến kết quả giáo dục ở người học. Bộ tiêu chí hiện được xác định là sản phẩm đề xuất và cần tiếp tục được lấy ý kiến, thử nghiệm trước khi áp dụng rộng rãi.*

Từ khóa*: giáo dục chính trị; giáo dục tư tưởng; giáo dục đạo đức; sinh viên sư phạm; tiêu chí đánh giá; chuyển đổi số.*

DEVELOPING A SET OF CRITERIA FOR EVALUATING THE EFFECTIVENESS OF POLITICAL, IDEOLOGICAL, AND MORAL EDUCATION ACTIVITIES FOR STUDENTS AT THE NATIONAL COLLEGE OF EDUCATION, HO CHI MINH CITY, IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION

Abstract: *Evaluating political, ideological and ethical education solely on the basis of the number of activities, participation rates or student satisfaction may not adequately reflect the extent to which educational objectives are achieved. This study develops a set of criteria for evaluating the effectiveness of such educational activities at the National College of Education Ho Chi Minh City in the context of digital transformation. Document analysis was combined with a survey of 280 Early Childhood Education students and consultations with 20 lecturers and staff members involved in student education, management and support. Empirical findings were used in conjunction with theoretical considerations and relevant policy requirements to identify key evaluation dimensions. The proposed framework consists of six standards, 26 criteria and 105 indicators covering educational objectives and content, organizational forms and methods, student participation, the digital educational environment, coordination and enabling conditions, and student educational outcomes. At its current stage, the framework should be regarded as a proposed evaluation tool that requires further expert review and field testing before broader application.*

Keywords: *political education; ideological education; ethical education; pre-service teachers; evaluation criteria; digital transformation.*

Nhận bài: 12/7/2026 *Phản biện: 20/8/2026* *Duyệt đăng: 25/8/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức góp phần hình thành phẩm chất, trách nhiệm và định hướng hành vi của sinh viên; với sinh viên sư phạm, đây còn là yêu cầu nghề nghiệp. Nghị quyết số 29-NQ/TW nhấn mạnh giáo dục phẩm chất, đạo đức, lối sống và trách nhiệm công dân (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013). Quyết định số 1895/QĐ-TTg tiếp tục yêu cầu tăng cường giáo dục lý tưởng, đạo đức và lối sống cho thế hệ trẻ (Thủ tướng Chính phủ, 2021). Phan và Trần (2016) cho rằng giáo dục chính trị tư tưởng tác động đến nhận thức, niềm tin và bản lĩnh người học. Khảo sát trên 900 sinh viên cho thấy hoạt động này đạt kết quả nhất định nhưng vẫn cần đổi mới nội dung và phương thức tổ chức (Phan & Trần, 2017). Ngô (2024) cũng nhấn mạnh yêu cầu đổi mới. Với sinh viên Giáo dục mầm non, giáo dục đạo đức còn gắn với chuẩn mực nghề nghiệp (Nguyễn, 2024).

Chuyển đổi số mở rộng học liệu và hình thức tổ chức, đồng thời đặt ra yêu cầu về kiểm chứng thông tin, trách nhiệm chia sẻ và văn hóa ứng xử trên không gian mạng, phù hợp với Quyết định số 131/QĐ-TTg và 311/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2022a, 2022b).

Tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động được triển khai qua môn lý luận chính trị, sinh hoạt công dân,

Đoàn – Hội và môi trường số. Tuy nhiên, chưa có bộ tiêu chí riêng đánh giá đồng thời quá trình tổ chức và kết quả ở người học. Vì vậy, bài viết xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động này trong bối cảnh chuyển đổi số.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Hiệu quả hoạt động giáo dục trong nghiên cứu được hiểu trước hết là mức độ đạt mục tiêu giáo dục, thể hiện chủ yếu qua kết quả ở người học. Đối với giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức, các kết quả được xem xét gồm nhận thức chính trị, niềm tin và định hướng giá trị, thái độ, ý thức trách nhiệm, hành vi và khả năng vận dụng. Nội dung, phương pháp, mức độ tham gia, sự phối hợp và điều kiện bảo đảm có liên quan đến kết quả nhưng không được xem là kết quả giáo dục tự thân.

Cách tiếp cận này tạo ra hai lớp thông tin khi đánh giá. Lớp thứ nhất phản ánh quá trình và điều kiện thực hiện; lớp thứ hai phản ánh những kết quả ghi nhận ở sinh viên. Việc phân biệt hai lớp thông tin giúp tránh tình trạng sử dụng chất lượng tổ chức để thay thế cho mức độ đạt mục tiêu giáo dục.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu để làm rõ đối tượng đánh giá, các yêu cầu đối với tiêu chí, chỉ báo và minh chứng. Các văn bản về giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống và chuyển đổi số được đối chiếu với những nghiên cứu về giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp và đánh giá giáo dục. Một số nguyên tắc liên quan đến sử dụng minh chứng và đánh giá được tham khảo từ AERA, APA và NCME (2014) và Yarbrough et al. (2011).

Cơ sở thực tiễn gồm hai nguồn. Khảo sát sinh viên thu được 280 phiếu hợp lệ của sinh viên ngành Giáo dục mầm non thuộc K36, K37 và K38. Trong đó, K36 có 20 sinh viên, K37 có 53 và K38 có 207; nữ chiếm 96,1% số người tham gia khảo sát. Nhóm thứ hai gồm 20 giảng viên, cán bộ có liên quan đến công tác giáo dục, quản lý và hỗ trợ sinh viên; 85% trong số này tham gia trực tiếp vào hoạt động giáo dục ở mức thỉnh thoảng hoặc thường xuyên.

Các câu hỏi nhiều lựa chọn được tổng hợp bằng tần số và tỷ lệ phần trăm; các nội dung đo bằng thang 5 mức được mô tả bằng điểm trung bình và độ lệch chuẩn. Dữ liệu khảo sát được sử dụng để nhận diện những vấn đề cần phản ánh trong hệ thống đánh giá, không dùng để khẳng định độ tin cậy hoặc giá trị đo lường của 105 chỉ báo.

Quá trình xây dựng Bộ tiêu chí gồm các công việc chính: xác định mục đích và phạm vi đánh giá; xác lập các phương diện đánh giá; cụ thể hóa thành tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ báo; xác định nguồn minh chứng; xây dựng thang đánh giá và rà soát mối quan hệ giữa các thành phần. Hệ thống được tổ chức theo trình tự: Tiêu chuẩn → Tiêu chí → Chỉ báo → Minh chứng.

2.2. Căn cứ thực tiễn xây dựng Bộ tiêu chí

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên đánh giá cao sự cần thiết của hoạt động giáo dục. Đối với yêu cầu tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức, điểm trung bình đạt 4,55/5; 90,4% sinh viên lựa chọn mức cần thiết hoặc hoàn toàn cần thiết. Việc học các môn lý luận chính trị đạt điểm trung bình 4,65/5 và toàn bộ sinh viên lựa chọn ở hai mức cần thiết cao nhất.

Tuy nhiên, mức độ tham gia chưa hoàn toàn tương xứng với nhận thức về sự cần thiết. Trong 280 sinh viên, 49,3% cho biết tham gia hoạt động không thường xuyên, 47,5% thuộc nhóm tham gia phụ trách và 3,2% chưa tham gia. Kết quả này cho thấy đánh giá hiệu quả cần tách biệt giữa việc người học nhận thức được ý nghĩa của hoạt động với mức độ họ thực sự tham gia.

Ý kiến của giảng viên, cán bộ làm rõ thêm một số vấn đề trong quá trình tổ chức. Có 95% cho rằng nội dung còn nặng về lý thuyết; 85% nhận định sinh viên chưa thực sự hứng thú; 85% cho rằng hình thức tổ chức còn cứng nhắc hoặc chưa hấp dẫn. Hạn chế về truyền thông và công nghệ được 70% người tham vấn lựa chọn; các vấn đề về thời gian, sinh viên bận học hoặc làm thêm và sự phối hợp giữa các lực lượng cùng đạt 65%.

Khi được hỏi về nguyên nhân khiến sinh viên chưa tích cực tham gia, 85% lựa chọn phương pháp tổ chức chưa hấp dẫn; 80% cho rằng sinh viên chưa thấy rõ ý nghĩa của hoạt động; 80% nhận định nội dung chưa gần với đời sống sinh viên. Những kết quả này cho thấy tiêu chí đánh giá không nên chỉ xem nội dung có được triển khai đầy đủ hay không mà còn cần chú ý đến mức độ thiết thực, khả năng tạo tương tác và điều kiện tham gia của người học.

Ở chiều ngược lại, các hình thức có tính trải nghiệm và tương tác được lựa chọn với tỷ lệ khá cao. Hoạt động trải nghiệm, tham quan, thực tế đạt 90%; truyền thông qua mạng xã hội hoặc kênh số đạt 80%; lồng ghép trong môn học và các hình thức tình huống, thảo luận, hoạt động nhóm cùng đạt 65%. Những kết quả này không khẳng định một hình thức nhất định luôn hiệu quả hơn, nhưng cho thấy sự phù hợp giữa mục tiêu, nội dung,

người học và cách tổ chức cần được đưa vào hệ thống đánh giá.

Sự phối hợp cũng là một vấn đề cần theo dõi. Chỉ 15% giảng viên, cán bộ đánh giá sự phối hợp giữa các lực lượng ở mức tốt; 50% đánh giá bình thường và 35% cho rằng chưa tốt. Vì vậy, phối hợp giữa các đơn vị và cá nhân tham gia được xác định thành một phương diện riêng thay vì chỉ được xem như điều kiện phụ trợ.

Sáu phương diện đánh giá cuối cùng được hình thành từ việc đối chiếu các dữ liệu trên với cơ sở lý luận và yêu cầu pháp lý, chứ không được suy ra trực tiếp từ tỷ lệ phần trăm của khảo sát.

2.3. Nguyên tắc và cấu trúc Bộ tiêu chí

Bộ tiêu chí được xây dựng theo một số nguyên tắc chính: phù hợp với mục tiêu giáo dục; phân định giữa quá trình và kết quả; rõ ràng và có khả năng kiểm chứng; khả thi trong sử dụng; sử dụng nhiều nguồn thông tin; phù hợp với đặc điểm sinh viên sư phạm và bối cảnh chuyển đổi số.

Một tiêu chí chỉ có ý nghĩa khi xác định được nội dung cần đánh giá và nguồn minh chứng tương ứng. Những nhận định như "hoạt động hấp dẫn", "sinh viên có nhận thức tốt" hoặc "phối hợp hiệu quả" chưa đủ để sử dụng trực tiếp nếu không cụ thể hóa thành biểu hiện có thể nhận diện. Bộ tiêu chí gồm 6 tiêu chuẩn, 26 tiêu chí và 105 chỉ báo.

Bảng 1. Cấu trúc Bộ tiêu chí

Tiêu chuẩn	Nội dung	Số tiêu chí	Số chỉ báo
1	Mục tiêu và nội dung giáo dục	4	17
2	Hình thức, phương pháp và tổ chức hoạt động	4	16
3	Mức độ tham gia và vai trò chủ thể của sinh viên	4	16
4	Ứng dụng công nghệ số và môi trường giáo dục số	4	16
5	Sự phối hợp giữa các lực lượng và điều kiện bảo đảm	4	16
6	Kết quả giáo dục đối với sinh viên	6	24
Tổng		26	105

Năm tiêu chuẩn đầu chủ yếu phản ánh quá trình và điều kiện; Tiêu chuẩn 6 tập trung vào những kết quả giáo dục ở người học.

2.4. Nội dung Bộ tiêu chí đề xuất

Bộ tiêu chí được cấu trúc thành 26 tiêu chí thuộc 6 tiêu chuẩn; mỗi tiêu chí tiếp tục được cụ thể hóa bằng các chỉ báo, với tổng số 105 chỉ báo. Nội dung các tiêu chí được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 2. Hệ thống tiêu chuẩn và tiêu chí

Tiêu chuẩn	Các tiêu chí
1. Mục tiêu và nội dung giáo dục	1.1. Mục tiêu giáo dục được xác định rõ và phù hợp; 1.2. Nội dung phù hợp với mục tiêu và yêu cầu giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức; 1.3. Nội dung gắn với học tập, đời sống và nghề nghiệp của sinh viên; 1.4. Nội dung phù hợp với những yêu cầu đặt ra trong môi trường số.
2. Hình thức, phương pháp và tổ chức hoạt động	2.1. Hình thức tổ chức phù hợp với mục tiêu, nội dung và đối tượng sinh viên; 2.2. Phương pháp tổ chức phát huy sự tương tác và tính chủ động; 2.3. Hoạt động tạo cơ hội trải nghiệm, phân tích và vận dụng; 2.4. Việc tổ chức phù hợp với điều kiện tham gia của sinh viên.
3. Mức độ tham gia và vai trò chủ thể của sinh viên	3.1. Sinh viên có điều kiện tiếp cận và tham gia; 3.2. Sinh viên tham gia tích cực vào quá trình thực hiện; 3.3. Sinh viên có cơ hội thể hiện quan điểm, đóng góp và phản hồi; 3.4. Hoạt động thúc đẩy khả năng tự giáo dục và tự rèn luyện.
4. Ứng dụng công nghệ số và môi trường giáo dục số	4.1. Công nghệ số được lựa chọn và sử dụng phù hợp; 4.2. Học liệu và kênh truyền thông số hỗ trợ tiếp cận nội dung; 4.3. Công nghệ hỗ trợ phản hồi, theo dõi và cải tiến; 4.4. Môi trường số bảo đảm điều kiện tham gia an toàn và có trách nhiệm.

5. Sự phối hợp giữa các lực lượng và điều kiện bảo đảm	5.1. Trách nhiệm của các lực lượng tham gia được xác định rõ; 5.2. Các lực lượng có sự phối hợp trong quá trình tổ chức; 5.3. Nhân lực và điều kiện phục vụ đáp ứng yêu cầu; 5.4. Hoạt động được theo dõi, tiếp nhận phản hồi và điều chỉnh.
6. Kết quả giáo dục đối với sinh viên	6.1. Kết quả về nhận thức chính trị; 6.2. Kết quả về niềm tin, lý tưởng và định hướng giá trị; 6.3. Kết quả về phẩm chất và thái độ đạo đức; 6.4. Kết quả về hành vi và khả năng vận dụng; 6.5. Kết quả gắn với trách nhiệm nghề nghiệp; 6.6. Kết quả về trách nhiệm và hành vi trên môi trường số.

Tiêu chuẩn 1 xem xét sự rõ ràng của mục tiêu và chất lượng nội dung. Nội dung không chỉ cần đúng định hướng mà còn phải có khả năng liên hệ với học tập, đời sống và nghề nghiệp. Việc dành riêng một tiêu chí cho tính thiết thực là cần thiết khi 80% giảng viên, cán bộ cho rằng nội dung chưa gần với đời sống là một nguyên nhân khiến sinh viên chưa tích cực tham gia.

Tiêu chuẩn 2 tập trung vào cách thức triển khai. Không có một hình thức được mặc định là hiệu quả trong mọi trường hợp. Giá trị của hình thức và phương pháp được xem xét ở mức độ phù hợp với mục tiêu, nội dung, người học và khả năng tạo điều kiện cho sinh viên trao đổi, trải nghiệm, xử lý tình huống và vận dụng.

Tiêu chuẩn 3 coi sự tham gia là một quá trình, không chỉ là sự hiện diện. Việc sinh viên được tiếp cận thông tin, có cơ hội đóng góp, thực hiện nhiệm vụ, phản hồi và tự rèn luyện sau hoạt động đều thuộc phạm vi đánh giá.

Tiêu chuẩn 4 đánh giá công nghệ theo giá trị sử dụng. Số lượng phần mềm, nền tảng hoặc lượt tương tác không tự động phản ánh chất lượng giáo dục. Công nghệ chỉ có ý nghĩa khi hỗ trợ tiếp cận, tương tác, phản hồi hoặc cải tiến. Đồng thời, môi trường số phải tạo điều kiện cho việc tham gia an toàn và có trách nhiệm.

Tiêu chuẩn 5 tập trung vào phân công, phối hợp, nguồn lực và cơ chế theo dõi. Trong đó, việc tiếp nhận phản hồi sau hoạt động được coi là một phần của chu trình tổ chức. Thông tin thu được cần được sử dụng để nhận diện những nội dung cần duy trì hoặc thay đổi ở lần triển khai sau.

Tiêu chuẩn 6 giữ vị trí khác với năm tiêu chuẩn trước vì tập trung trực tiếp vào kết quả ở sinh viên. Sáu tiêu chí bao quát nhận thức chính trị, định hướng giá trị, thái độ đạo đức, khả năng vận dụng, trách nhiệm nghề nghiệp và hành vi trên môi trường số. Đối với sinh viên Giáo dục mầm non, việc tách trách nhiệm nghề nghiệp thành một tiêu chí riêng giúp liên hệ các giá trị được giáo dục với cách ứng xử của người giáo viên tương lai.

Nguồn minh chứng của Tiêu chuẩn 6 cần đa dạng. Câu hỏi và bài viết có thể phản ánh nhận thức; tình huống hoặc nhiệm vụ thực hành phù hợp với khả năng vận dụng; sản phẩm, phản hồi, tự đánh giá và quan sát cung cấp thêm thông tin đối với thái độ và hành vi. Một kết quả ghi nhận ngay sau hoạt động chỉ phản ánh trạng thái tại thời điểm đo, không đủ để kết luận về sự thay đổi ổn định của niềm tin, thái độ hoặc hành vi.

Mỗi chỉ báo được đánh giá theo 5 mức: chưa đáp ứng; đáp ứng ở mức thấp; đáp ứng một phần; đáp ứng tốt; đáp ứng đầy đủ. Những chỉ báo thực sự không thuộc mục tiêu hoặc phạm vi của hoạt động có thể được xác định là không áp dụng (N/A); trường hợp một yêu cầu thuộc phạm vi cần thực hiện nhưng chưa đáp ứng không được sử dụng N/A để loại khỏi đánh giá.

2.5. Bàn luận

Điểm cốt lõi của hệ thống đề xuất không nằm ở 105 chỉ báo mà ở việc phân biệt giữa quá trình tổ chức và kết quả giáo dục. Các chỉ số như số chương trình, số người tham dự hay mức độ hoàn thành kế hoạch chủ yếu phản ánh năng lực tổ chức, chưa đủ để khẳng định kết quả ở người học. Vì vậy, Tiêu chuẩn 1–5 và Tiêu chuẩn 6 cần được xem xét trong mối liên hệ, không cộng cơ học thành một kết luận duy nhất. Khảo sát cho thấy 90,4% sinh viên cho rằng cần tăng cường hoạt động, nhưng 49,3% vẫn tham gia không thường xuyên. Mức độ tham gia cần được lý giải cùng với nội dung, phương pháp, thời gian và cơ chế khuyến khích, thay vì chỉ quy về thái độ người học.

Chuyển đổi số có hai mặt: công nghệ hỗ trợ tổ chức, còn môi trường số là không gian thể hiện trách nhiệm và hành vi. Do đó, Bộ tiêu chí vừa đánh giá ứng dụng công nghệ, vừa xem xét khả năng kiểm chứng thông tin và ứng xử có trách nhiệm. Do số lượng chỉ báo lớn, Bộ tiêu chí cần được sử dụng linh hoạt theo mục tiêu, loại hình hoạt động và tiếp tục thử nghiệm.

Nghiên cứu giới hạn ở một cơ sở đào tạo; sinh viên K38 chiếm 73,9% và nữ chiếm 96,1% mẫu. Các chỉ báo cũng chưa được kiểm định rộng về độ ổn định và mức độ thống nhất giữa người đánh giá.

III. KẾT LUẬN

Đánh giá hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức cần vượt ra ngoài các chỉ số về số lượng hoạt động, tỷ lệ tham gia hay mức độ hài lòng, vì những chỉ số này chủ yếu phản ánh quá trình tổ chức, chưa thể hiện đầy đủ kết quả giáo dục ở sinh viên. Nghiên cứu đề xuất Bộ tiêu chí gồm 6 tiêu chuẩn, 26 tiêu chí và 105 chỉ báo. Năm tiêu chuẩn đầu tập trung vào mục tiêu, nội dung, phương pháp, sự tham gia của sinh viên, môi trường số, sự phối hợp và điều kiện thực hiện; Tiêu chuẩn 6 đánh giá kết quả ở người học. Cấu trúc này giúp phân biệt hạn chế trong tổ chức với hạn chế về kết quả giáo dục. Bộ tiêu chí cần được áp dụng linh hoạt theo mục tiêu, nội dung và phạm vi hoạt động, không nhất thiết sử dụng toàn bộ chỉ báo trong mọi trường hợp. Minh chứng phải gắn trực tiếp với nội dung đánh giá, và kết quả chủ yếu phục vụ cải tiến hoạt động, không dùng trực tiếp để xếp loại phẩm chất cá nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

American Educational Research Association, American Psychological Association, & National Council on Measurement in Education. (2014). Standards for educational and psychological testing. American Educational Research Association.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Ngô, T. P. L. (2024). Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên trong hệ thống Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay: Thực trạng và một số giải pháp trọng tâm. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Khoa học Xã hội và Nhân văn, 8(2), 2380–2396. https://doi.org/10.32508/stdjssh.v8i1.982

Nguyễn, N. B. (2024). Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non các trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 21(7), 1343–1353. https://doi.org/10.54607/hcmue.js.21.7.4259(2024)

Phan, T. P. A., & Trần, T. N. T. (2016). Xác định khái niệm giáo dục chính trị tư tưởng. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, (46), 130–134. https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2016.578

Phan, T. P. A., & Trần, T. N. T. (2017). Thực trạng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên hiện nay và một số giải pháp mang tính định hướng. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, (48), 13–19. https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2017.625

Thủ tướng Chính phủ. (2021). Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2021 phê duyệt Chương trình "Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021–2030".

Thủ tướng Chính phủ. (2022a). Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030".

Thủ tướng Chính phủ. (2022b). Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2022 phê duyệt Chương trình "Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022–2030".

Yarbrough, D. B., Shulha, L. M., Hopson, R. K., & Caruthers, F. A. (2011). The program evaluation standards: A guide for evaluators and evaluation users (3rd ed.). SAGE Publications.